

Số: **7720** /TB-SXD-VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **31** tháng 5 năm 2023

**THÔNG BÁO**  
**V/v công bố giá vật liệu xây dựng**  
**trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5/2023**

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng (VLXD);

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2409/BXD-KTXD ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Xây dựng về một số khó khăn, vướng mắc trong công tác công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3



năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng;

Căn cứ Công văn số 697/UBND-ĐT ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về vướng mắc trong công tác công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố; Công văn số 1180/UBND-ĐT ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố về công bố giá VLXD, chỉ số giá xây dựng, đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công, giá thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố theo quy định của Nghị định số 10/2021/NĐ-CP; Công văn số 2393/VP-ĐT ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ kết quả thống nhất ý kiến của các thành viên Tổ công tác và Tổ giúp việc cho Tổ công tác công bố giá VLXD (theo văn bản đề nghị góp ý số 7379/SXD-VLXD ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Sở Xây dựng);

Thực hiện công tác quản lý Nhà nước về xây dựng và VLXD trên địa bàn Thành phố; Sở Xây dựng công bố giá VLXD và một số vật tư phổ biến trong công trình xây dựng để làm cơ sở tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

## **I. Nội dung công bố giá**

### **NHÓM 1. THÉP XÂY DỰNG**

#### **1.1. Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL**

Theo Công văn số 405/TMN-KD ngày 25 tháng 4 năm 2023, 445/TMN-KD ngày 10 tháng 5 năm 2023, số 461/TMN-KD ngày 17 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL.

#### **1.2. Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức VNSTEEL**

Theo Công văn số 190/VKC-KHKD ngày 12 tháng 4 năm 2023, số 349/VKC-KHKD ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - VNSTEEL.

#### **1.3. Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL**

Theo Công văn số 125/NBS-KHKD ngày 24 tháng 4 năm 2023, số 62/NBS-KHKD ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL.

#### **1.4. Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt**

Theo Công văn số 03/2023/CV-TV ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Thép Việt.

#### **1.5. Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei**

Theo Công văn số 07/VKS-KKG ngày 01 tháng 5 năm 2023, số 08/VKS-KKG ngày 05 tháng 5 năm 2023, số 09/VKS-KKG ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei.

## **NHÓM 2. XI MĂNG**

### **2.1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên 1**

Theo Công văn số 1183/TTDV-PHTT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chi nhánh Công ty CP Xi măng Hà Tiên 1 – Xí nghiệp Tiêu thụ và Dịch vụ xi măng Hà Tiên 1.

### **2.2. Công ty TNHH Kinh doanh Tiếp thị Xi măng Fico YTL**

Theo Công văn số 127 ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH Kinh doanh Tiếp thị Xi măng Fico YTL.

### **2.3. Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn**

Theo Công văn số 52/CV-SDC ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn.

### **2.4. Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long**

Theo công văn số 2378/TB-KDĐT ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long.

### **2.5. Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long**

Theo Công văn số 40/CV/2022/CN-BHMN ngày 14 tháng 12 năm 2022 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.

### **2.6. Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả**

Theo Công văn số 04/CNPN-KD ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Chi nhánh phía Nam Công ty Cổ phần xi măng Cẩm Phả.

### **2.7. Công ty Cổ phần MTV VT**

Theo Công văn số 01/1611/VT ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Công ty Cổ phần MTV VT.

## **NHÓM 3. VỮA**

### **3.1. Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Vĩ Đạt**

Theo Công văn số 54/ĐNCBG-VĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 của Công ty CP Khai thác & Chế biến Khoáng sản Vĩ Đạt.

### **3.2. Công ty Cổ phần Gạch khối Tân Kỳ Nguyên**

Theo Công văn số 12/TKN23 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Gạch khối Tân Kỳ Nguyên.

## **NHÓM 4. DÂY, CÁP ĐIỆN**

X. H. C.  
SỞ  
ẢY D  
H. H. C.

#### **4.1. Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)**

Theo Công văn số 187/CV-K.KDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2023, số 5926/CV-K.KDĐT ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Nam (CADIVI).

#### **NHÓM 5. ÓNG CỐNG, CỌC BÊ TÔNG**

##### **5.1. Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương**

Theo Công văn số 01D/CVHV.22 ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hùng Vương.

##### **5.2. Công ty Cổ phần CIC39**

Theo Công văn số 77/CTY-KD ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần CIC39.

#### **NHÓM 6. VẬT LIỆU LỘP**

##### **6.1. Công ty TNHH Tôn Pomina**

Theo Công văn số 86/2023-PMN ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH Tôn Pomina.

#### **NHÓM 7. GẠCH KHÔNG NUNG**

##### **7.1. Công ty Cổ phần Gạch khối Tân Kỳ Nguyên**

Theo Công văn số 12/TKN23 ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Gạch khối Tân Kỳ Nguyên.

##### **7.2. Công ty Cổ phần CIC39**

Theo Công văn số 77/CTY-KD ngày 16 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần CIC39.

#### **NHÓM 8. VẬT LIỆU ỐP LÁT**

##### **8.1. Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn**

Theo Công văn số 03.22/DNCSBG-TPHCM-TBSG ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Công ty Cổ phần Thạch Bàn Sài Gòn.

##### **8.2. Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Prime – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Theo Công văn số 125/2023/VPĐD ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Thương mại và Xuất nhập khẩu Prime – Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

##### **8.3. Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm**

Theo Công văn số 10/2023/CV-KD/TMĐT ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Thương mại Đồng Tâm.

##### **8.4. Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera**

Theo Công văn số 76 ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.

## **NHÓM 9. ĐÁ**

### **9.1. Công ty Cổ phần Tân Cang**

Theo Công văn số 01/8/2022-TC ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

**9.2. Đá xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của thành phố Thủ Đức và các quận – huyện**

Theo Phụ lục 1 đính kèm Thông báo này.

## **NHÓM 10. CÁT**

### **10.1. Công ty Cổ phần Tân Cang**

Theo Công văn số 01/8/2022-TC ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tân Cang.

**10.2. Cát xây dựng tham khảo giá thị trường theo báo cáo tình hình giá của thành phố Thủ Đức và các quận – huyện**

Theo Phụ lục 2 đính kèm Thông báo này.

## **NHÓM 11. COFFA**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 12. BÊ TÔNG NHỰA NÓNG**

### **12.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 310/CTGTSG ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

**12.2. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xây dựng Giao thông T&T**

Theo Công văn số 15/CV-T&T ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải Xây dựng Giao thông T&T.

## **NHÓM 13. NHỰA ĐƯỜNG NHỮ TƯƠNG**

### **13.1. Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Theo Công văn số 310/CTGTSG ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn.

### **13.2. Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai**

Theo Công văn số 01/2023/CV-TGD ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai.

### **13.3. Công ty TNHH MTV Nhựa đường M.T.T - Chi nhánh tỉnh Bình Dương**

Theo Công văn số 2301/CVCTY ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH MTV Nhựa Đường M.T.T – Chi nhánh tỉnh Bình Dương.

### **NHÓM 14. BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM (bê tông trộn sẵn)**

#### **14.1. Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan-United**

Theo Công văn số FiCOPanU/GBT/02-2022 ngày 01 tháng 10 năm 2022 của Công ty Cổ phần bê tông FiCO Pan-United.

### **NHÓM 15. TRỤ ĐÈN**

#### **15.1. Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam**

Theo Công văn số 001/SLT-SXD ngày 18 tháng 5 năm 2023, số 032/CV-SLT ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam.

### **NHÓM 16. VẢI ĐỊA KỸ THUẬT**

#### **16.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 230104-1/CV-LP ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

### **NHÓM 17. RỌ ĐÁ**

#### **17.1. Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát**

Theo Công văn số 230104-1/CV-LP ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Liên Phát.

### **NHÓM 18. SƠN, BỘT BẢ CÁC LOẠI**

#### **18.1. Công ty Cổ phần Sivico**

Theo Công văn số 04/2023/SVC ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Công ty Cổ phần Sivico <sup>1</sup>.

#### **18.2. Công ty TNHH Akzonobel Việt Nam**

Theo Công văn số 87680/02/2023/ADM/ANP ngày 09 tháng 02 năm 2023 của Công ty TNHH Akzonobel Việt Nam <sup>2</sup>.

#### **18.3. Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam**

<sup>1</sup> Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản công bố hợp quy của nhà sản xuất và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định QCVN 08:2020/BCT khi có nhu cầu sử dụng.

<sup>2</sup> Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản công bố hợp quy của nhà sản xuất và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định QCVN 08:2020/BCT khi có nhu cầu sử dụng.

Theo Công văn số SLS/015/2023 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH Sơn Jotun Việt Nam <sup>3</sup>.

#### **18.4. Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam)**

Theo Công văn số 07/2022/NPV ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Công ty TNHH Nippon Paint (Việt Nam).

#### **18.5. Công ty TNHH KOVA NANOPRO**

Theo Công văn số CV-KOVA/II23-14 ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH KOVA NANOPRO <sup>4</sup>.

#### **18.6. Công ty TNHH Revolution Paint**

Theo Công văn số ĐKG\_02/2023 ngày 01 tháng 4 năm 2023 của Công ty TNHH Revolution Paint.

#### **18.7. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia**

Theo Công văn số 23014/QĐ-HG ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Hoàng Gia.

### **NHÓM 19. TẮM THẠCH CAO**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

### **NHÓM 20. ỐNG NHỰA**

#### **20.1. Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa**

Theo Công văn số 04/CV/ĐH-23 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Công ty TNHH Nhựa Đạt Hòa <sup>5</sup>.

### **NHÓM 21. BÓNG ĐÈN VÀ PHỤ KIỆN ĐIỆN**

#### **21.1. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đình**

Theo Công văn số 009/SXDHCM ngày 11 tháng 01 năm 2023, số 006/NĐ-SXDHCM ngày 01 tháng 01 năm 2022 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nguyễn Đình.

#### **21.2. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh**

Theo Công văn số 0111-2022/TM/TBG ngày 10 tháng 01 năm 2023, số 05-2022TM/TBG ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh.

<sup>3</sup> Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản công bố hợp quy của nhà sản xuất và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của QCVN 08:2020/BCT khi có nhu cầu sử dụng.

<sup>4</sup> Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản công bố hợp quy của nhà sản xuất và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của QCVN 08:2020/BCT khi có nhu cầu sử dụng.

<sup>5</sup> Đề nghị các đơn vị lưu ý yêu cầu doanh nghiệp cung cấp bản công bố hợp quy của nhà sản xuất và Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của QCVN 16:2019/BXD khi có nhu cầu sử dụng.

### **21.3. Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn**

Theo Công văn số 04 ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Ngọc Nguyễn.

### **21.4. Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam**

Theo Công văn số 001/SLT-SXD ngày 18 tháng 5 năm 2023, số 032/CV-SLT ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam.

## **NHÓM 22. CỬA**

Không có đơn vị tham gia công bố giá.

## **NHÓM 23. KÍNH XÂY DỰNG**

### **23.1. Công ty Kính nổi VIGLARCERA - Chi nhánh Tổng Công ty VIGLARCERA – CTCP**

Theo Công văn số 220/VIFG-KD ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Công ty Kính nổi Viglacera - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera – CTCP.

## **NHÓM 24. MÀNG PHẢN QUANG**

### **24.1. Công ty TNHH Đỉnh Phương Nam**

Theo Công văn số 01/20232/CV-ĐPN ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Công ty TNHH Đỉnh Phương Nam.

## **NHÓM 25. VẬT LIỆU VÀ CẤU KIỆN KHÁC**

### **25.1. Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, tên viết tắt là BUSADCO (hệ thống hồ ga, kè bê tông, hào kỹ thuật)**

Theo Công văn số 0101/CV-KHCNVN ngày 01 tháng 01 năm 2023 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam.

## **II. Một số nội dung cần lưu ý**

1. Văn bản cung cấp thông tin giá, đính kèm bảng niêm yết giá sản phẩm, hàng hóa của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên được công bố kèm theo Thông báo này, hiện được **đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng theo địa chỉ <https://soxaydung.hochiminhcity.gov.vn/home>** (mục **Thông tin chuyên ngành - Vật liệu xây dựng - Công bố giá vật liệu xây dựng**), theo quy định tại Điều 8 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND.

2. Giá công bố nêu trên được xác định và công bố theo giá niêm yết do các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp, đồng thời có tham khảo giá thị trường; chưa loại trừ các khoản chiết khấu, hoa hồng, ưu đãi (nếu có) của các đơn vị sản xuất, kinh doanh.



3. Giá công bố của các loại vật liệu phổ biến nêu trên là giá dùng để tham khảo trong việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, không dùng để thanh quyết toán. Việc thanh quyết toán chi phí phải thực hiện phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân liên quan khi sử dụng thông tin về giá vật liệu để lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình:

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng giá không phù hợp thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình thực hiện theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 9, điểm 1.2.1 khoản 1.2 mục I Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

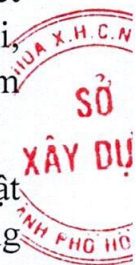
- Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 9 Thông tư số 11/2021/TT-BXD.

- Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm khi lựa chọn sử dụng thông tin giá vật liệu trong Bảng công bố này, chịu trách nhiệm quản lý chi phí đầu tư xây dựng theo đúng quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng và các quy định hiện hành có liên quan.

- Khi các đơn vị thực hiện khảo sát, xác định giá vật liệu; đề nghị lưu ý về việc vật liệu phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng sản phẩm, hàng hóa; quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại VLXD chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời, theo yêu cầu tại Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng.

5. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 19/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng: “Đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hàng hóa VLXD đã được cấp Giấy chứng nhận hợp quy phù hợp QCVN 16:2014/BXD, QCVN 16:2017/BXD và Giấy chứng nhận còn hiệu lực sẽ được phép sử dụng Giấy chứng nhận hợp quy và dấu hợp quy cho đến khi hết hiệu lực của Giấy chứng nhận đó”. Do đó, một số thông tin về chất lượng sản phẩm,



hàng hóa trong văn bản cung cấp thông tin giá của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nêu trên vẫn còn áp dụng QCVN 16:2017/BXD do giấy chứng nhận hợp quy còn hiệu lực.

6. Đối với các loại vật liệu chống cháy, các đơn vị cần lưu ý xem xét, đánh giá theo các yêu cầu kỹ thuật của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình QCVN 06:2022/BXD và các tiêu chuẩn kỹ thuật bắt buộc áp dụng được viện dẫn trong quy chuẩn, theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

### 7. Đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận – huyện

- Duy trì tổ chức việc thu thập thông tin, báo cáo tình hình giá thị trường cho Sở Xây dựng đối với các loại VLXD phổ biến và chủ yếu trên địa bàn định kỳ **trước ngày 05 hàng tháng** hoặc đột xuất (khi có yêu cầu, chỉ đạo của Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân Thành phố) và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin báo cáo, để kịp thời công bố giá định kỳ hàng tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố và ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại cuộc họp với Thủ tướng Chính phủ ngày 07 tháng 7 năm 2022 và điểm b khoản 1 Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng về việc xác định, công bố giá VLXD, thiết bị công trình, chỉ số giá xây dựng: “...*Đối với các loại vật liệu chủ yếu, có biến động nhiều, tổ chức xác định, công bố giá VLXD hàng tháng, đáp ứng yêu cầu quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng, trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật*”.

**Hiện nay, Sở Xây dựng chưa nhận được báo cáo tình hình giá VLXD tháng 5/2023 của thành phố Thủ Đức, Quận 1, Quận 10 và huyện Hóc Môn, Cần Giờ.**

- Thường xuyên rà soát, báo cáo và đề xuất Sở Xây dựng cập nhật các loại VLXD chủ yếu, thiết bị công trình phổ biến vào danh mục để xem xét công bố giá; các khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp, kiến nghị (nếu có), để được hướng dẫn, hoặc tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng tháo gỡ kịp thời, theo yêu cầu tại Công văn số 959/BXD-KTXD ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Bộ Xây dựng.

### 8. Đề nghị các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu được công bố giá

Chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Điều 25 Quy chế phối hợp thực hiện công bố giá VLXD trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2018/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố:

- Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động sản xuất, kinh doanh, giá và chất lượng sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật khi cơ quan quản lý Nhà nước có yêu cầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin đã cung cấp.

- Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh theo quy định pháp luật về hoạt động doanh nghiệp, thương mại, giá, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và các quy định khác có liên quan.
- Không vi phạm các hành vi bị cấm trong hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm, hàng hóa theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị báo cáo, đề xuất, kiến nghị về Sở Xây dựng (Phòng VLXD, số điện thoại 39.327.547 (số nội bộ 748, 749)) hoặc cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền để được xem xét, hướng dẫn thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng;
- Các Sở ngành liên quan;
- UBND thành phố Thủ Đức và các quận – huyện;
- Quatest 3;
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- Tổ công tác, Tổ giúp việc;
- P.KTXD; P.TĐDA; P.HTKT; P.QLCLCTXD;
- VPS (để đăng tải);
- Lưu: VT, VLXD / 12b.

Đính kèm: Phụ lục.  
TTTTV, NTHH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Đặng Phú Thành**



## Phụ lục 1

Công bố giá đá tham khảo giá thị trường  
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện  
(đính kèm Thông báo số 1720 /TB-SXD-VLXD ngày 31 tháng 5 năm 2023  
của Sở Xây dựng)

## NHÓM 9. ĐÁ XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )		Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Đá 1x2	Đá 4x6			
1	Quận 3		Đá xanh: 454.545	Đá 4x6		Theo Công văn số 386/QLĐT-QHXD ngày 05/5/2023 của Phòng Quản lý đô thị Quận 3	Giá tại đường Trần Văn Đàng, Phường 11, Quận 3
			Đá đen: 409.091	Tháng 5			
2	Quận 4		310.000			Theo Công văn số 631/UBND-ĐT ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4	Giá tại đường Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4; đá 1x2 đen (chưa tính giá vận chuyên).
3	Quận 5		450.000	550.000		Theo Công văn số 391/BC-TCKH ngày 22/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5	Giá tại đường Võ Văn Kiệt, Phường 6, Quận 5
4	Quận 6		Đá đen: 340.000		Hóa An	Theo Công văn số 1729/UBND-QLĐT ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6	Giá tại đường Minh Phụng, Phường 9, Quận 6
				350.000	Châu Đốc		
5	Quận 7		400.000			Theo Báo cáo số 1202/BC-TCKH ngày 27/4/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 7	Giá tại đường Trần Xuân Soạn, Quận 7
				310.000			Giá tại đường Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Phú, Quận 7
6	Quận 8		460.000	520.000		Theo Công văn số 835/UBND-TC ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8	Giá tại đường Dương Bạch Mai, Phường 5, Quận 8; loại đá đen, bán lẻ.

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )		Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Đá 1x2 Tháng 5	Đá 4x6 Tháng 5			
7	Quận 11		445.000	490.000	Biên Hòa	Theo Công văn số 528/QLĐT ngày 18/4/2023 của Phòng Quản lý đô thị Quận 11	Giá tại đường Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11; loại đá xanh
8	Quận 12		445.500	477.000	Đồng Nai	Theo Công văn số 2972/UBND-TC ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12	Giá tại đường Hà Huy Giáp, phường Thạnh Xuân, Quận 12; đá 1x2 đen
9	Quận Phú Nhuận		420.000	350.000		Theo Công văn số 238/TKKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận	Giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận
10	Quận Bình Thạnh		320.000	350.000		Theo Công văn số 581/QLĐT ngày 04/5/2023 của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Thạnh	Giá tại đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh
11	Quận Tân Bình		520.000	460.000	Đồng Nai	Theo Công văn số 577/QLĐT-PTĐT&NO ngày 20/4/2023 của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình	Giá tại đường Trương Chính, Phường 14, quận Tân Bình
12	Quận Tân Phú		680.000	670.000	Đồng Nai	Theo Công văn số 753/TKKH ngày 04/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Phú	Giá tại đường Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú
13	Quận Bình Tân		500.000	440.000	Đồng Nai	Theo Công văn số 1266/UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giá tại đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân; loại đá xanh.
14	Quận Gò Vấp		Đá xanh: 650.000 Đá đen: 400.000	580.000	Tân Cảng Tân Cảng	Theo báo cáo ngày 28/4/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp	Giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )		Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Đá 1x2	Đá 4x6			
15	Huyện Bình Chánh		Đá 1x2 Tháng 5 454.545	Đá 4x6 Tháng 5 400.000		Theo Công văn số 1274/UBND ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giá tại ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh; loại đá xanh; giao tại vựa
16	Huyện Nhà Bè		Đá xanh: 485.000 Đá đen: 350.000	Đá xanh: 350.000	Thường Tân Đồng Nai	Theo Báo cáo số 52/BC-TCKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Nhà Bè	Giá tại đường Nguyễn Văn Tạo, ấp 2, xã Long Thới, huyện Nhà Bè Giá tại đường Phạm Hữu Lầu, ấp 4, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè
17	Huyện Củ Chi		550.000	380.000		Theo Công văn số 943/BC-TCKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi	Giá tại đường Trung Lập, ấp Trung Bình, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại văn bản số 2409/BXD-KTXD ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Xây dựng: “Bộ Xây dựng thống nhất với đề xuất của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện công bố giá đối với các mặt hàng vật liệu xây dựng đặc thù là khoáng sản. Đối với những vật tư, vật liệu xây dựng khó thu nhập thông tin giá thị trường, có thể thực hiện công bố giá tại địa điểm sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (chưa tính cự ly vận chuyển) như nêu tại văn bản số 8831/SXD-VLXD”.







## Phụ lục 2

Công bố giá cát tham khảo giá thị trường  
theo báo cáo tình hình giá của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận - huyện  
(đính kèm Thông báo số **7720** /TB-SXD-VLXD ngày 31 tháng 5 năm 2023  
của Sở Xây dựng)

## NHÓM 10. CÁT XÂY DỰNG

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )			Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Cát xây tô	Cát bê tông	Cát san lấp			
			Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5			
1	Quận 3		409.091	409.091	381.818	Cát xây tô Tân Ba	Theo Công văn số 386/QLĐT-QHXD ngày 05/5/2023 của Phòng Quản lý đô thị Quận 3	Giá tại đường Trần Văn Đàng, Phường 11, Quận 3
2	Quận 4				280.000	Hồng Ngự	Theo Công văn số 631/UBND-ĐT ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 4	Giá tại đường Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4 (chưa tính giá vận chuyên)
3	Quận 5		400.000	480.000			Theo Công văn số 391/BC-TCKH ngày 22/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 5	Giá tại đường Võ Văn Kiệt, Phường 6, Quận 5
4	Quận 6			310.000		Châu Đốc	Theo Công văn số 1729/UBND-QLĐT ngày 09/5/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 6	Giá tại đường Minh Phụng, Phường 9, Quận 6
				270.000				Giá tại đường Mai Xuân Thưởng, Phường 5, Quận 6
			350.000					Giá tại đường Kênh Tân Hòa, Phường 14, Quận 6

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )			Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Cát xây tô	Cát bê tông	Cát san lấp			
5	Quận 7	Cát bê tông mô đun độ lớn 2-2,5mm; cát xây tô mô đun độ lớn 1-2mm	310.000	360.000	290.000		Theo Báo cáo số 1202/BC-TCKH ngày 27/4/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch Quận 7	Giá tại đường Tân Mỹ, phường Tân Thuận Tây, Quận 7
6	Quận 8	Cát bê tông mô đun độ lớn 1.8; cát xây tô mô đun độ lớn 1.2	420.000	480.000	360.000		Theo Công văn số 835/UBND-TC ngày 28/4/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8	Giá tại đường Lê Quyên, Phường 5, Quận 8 (bán lẻ)
7	Quận 11		400.000	445.000	360.000		Theo Công văn số 528/QLDT ngày 18/4/2023 của Phòng Quản lý đô thị Quận 11	Giá tại đường Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11
8	Quận 12		405.000	459.000	297.000	Đồng Nai	Theo Công văn số 2972/UBND-TC ngày 11/5/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 12	Giá tại đường Hà Huy Giáp, phường Thạnh Xuân, Quận 12
9	Quận Phú Nhuận			380.000			Theo Công văn số 238/TCKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Phú Nhuận	Giá tại đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, quận Phú Nhuận
			350.000			Giá tại đường Nguyễn Trọng Tuyển, Phường 8, quận Phú Nhuận		
		350.000		250.000		Giá tại đường Thích Quảng Đức, Phường 5, quận Phú Nhuận		

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )			Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Cát xây tô	Cát bê tông	Cát san lấp			
			Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5			
10	Quận Bình Thạnh		430.000	470.000			Theo Công văn số 581/QLĐT ngày 04/5/2023 của Phòng Quản lý đô thị quận Bình Thạnh	Giá tại đường Điện Biên Phủ, Phường 15, quận Bình Thạnh Giá tại đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh Giá tại đường Nguyễn Cửu Vân, Phường 17, quận Bình Thạnh
11	Quận Tân Bình	Cát bê tông mô đun 2.0; cát xây tô mô đun 1.5	430.000	550.000	350.000	Tây Ninh	Theo Công văn số 577/QLĐT-PTĐT&NƠ ngày 20/4/2023 của Phòng Quản lý đô thị quận Tân Bình	Giá tại đường Trường Chinh, Phường 14, quận Tân Bình
12	Quận Tân Phú		530.000	640.000	470.000	Cát bê tông, cát san lấp Đồng Nai; cát xây tô Tân Châu	Theo Công văn số 753/TCKH ngày 04/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Tân Phú	Giá tại đường Trịnh Đình Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú
13	Quận Bình Tân		380.000	410.000	268.000		Theo Công văn số 1266/UBND ngày 07/4/2023 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân	Giá tại đường số 7, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân
14	Quận Gò Vấp	Cát bê tông mô đun > 2mm; cát xây tô mô đun 0,7-2mm	350.000	550.000		Cát xây tô Hồng Ngự	Theo báo cáo ngày 28/4/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Gò Vấp	Giá tại đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận Gò Vấp

STT	Khu vực	Quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật, quy cách	Giá chưa có thuế VAT (đồng / m <sup>3</sup> )			Xuất xứ, nhãn hiệu	Nguồn thu thập thông tin	Ghi chú
			Cát xây tô	Cát bê tông	Cát san lấp			
15	Huyện Bình Chánh		Tháng 5	Tháng 5	Tháng 5			
			363.636	427.273	254.545		Theo Công văn số 1274/UBND ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh	Giá tại ấp 4, xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh; giao tại vựa
16	Huyện Nhà Bè	Cát bê tông mô đun 1.8+ , cát xây tô mô đun 1.4+ , cát san lấp mô đun 1.0+	350.000	410.000	270.000		Theo Báo cáo số 52/BC-TCKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Nhà Bè	Giá tại đường Nguyễn Bình, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè
		Mô đun 1.5-1.6 mm	350.000			Vĩnh Long		Giá tại đường Phạm Hữu Lầu, ấp 4, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè
17	Huyện Củ Chi		380.000	480.000	300.000		Theo Công văn số 943/BC-TCKH ngày 05/5/2023 của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Củ Chi	Giá tại đường Trung Lập, ấp Trung Bình, xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi

Ghi chú:

Theo hướng dẫn tại văn bản số 2409/BXD-KTXD ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ Xây dựng: "Bộ Xây dựng thông nhất với đề xuất của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện công bố giá đối với các mặt hàng vật liệu xây dựng đặc thù là khoáng sản. Đối với những vật tư, vật liệu xây dựng khó thu thập thông tin giá thị trường, có thể thực hiện công bố giá tại địa điểm sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (chưa tính cự ly vận chuyển) như nêu tại văn bản số 8831/SXD-VLXD".